

Số: 18/2015/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 29 tháng 6 năm 2015

SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NAM

ĐẾN

Số: 2407

Ngày: 30-06-2015

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ việc làm tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 47/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 10/2012/QH 13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18/6/2012;

Căn cứ Luật việc làm số 38/2013/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 16/11/2013;

Căn cứ Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ Quốc gia về việc làm;

Căn cứ Quyết định số 47/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ việc làm tỉnh Quảng Nam.

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 98/TTr-LĐTBXH ngày 04/6/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ việc làm tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 47/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND tỉnh, như sau:

1. Sửa đổi Điều 4. Đối tượng được vay vốn:

"1. Hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp sản xuất, hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh của người khuyết tật, doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, chủ trang trại, cơ sở sản xuất của trung tâm giáo dục lao động - xã hội (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh).

2. Hộ gia đình.

3. Người lao động (độc thân) đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, hộ gia đình có lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

4. Các Trung tâm giới thiệu việc làm; các cơ sở đào tạo nghề.

Trong các đối tượng trên, ưu tiên cho các dự án sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, lao động nữ, lao động là thân nhân chủ yếu của người có công với cách mạng, cá nhân đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài".

2. Sửa đổi khoản 3, Điều 5. Điều kiện được vay vốn:

"3. Đối tượng quy định tại điểm 3, Khoản 1, Điều 1 Quyết định này phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay và được UBND cấp xã (nơi người vay cư trú) xác nhận;

- Được bên tuyển dụng chính thức tiếp nhận đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài".

3. Sửa đổi khoản 2, Điều 6. Phương thức cho vay:

"2. Cho vay ủy thác từng phần qua các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên): áp dụng đối với đối tượng nêu tại các điểm 2 và điểm 3, khoản 1, Điều 1 Quyết định này; hộ vay vốn phải là thành viên của Tổ tiết kiệm và vay vốn tại thôn, bản nơi hộ gia đình đang sinh sống, được Tổ bình xét đủ điều kiện vay vốn, lập thành danh sách đề nghị vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội gửi UBND cấp xã xác nhận (cơ chế cho vay ủy thác từng phần qua các tổ chức chính trị xã hội thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội)".

4. Sửa đổi điểm c, khoản 1 và khoản 3, Điều 7. Mức vốn, thời hạn và lãi suất cho vay:

a) Sửa đổi điểm c, khoản 1, Điều 7, như sau:

"1. Mức vốn cho vay:

c) Đối với đối tượng nêu tại điểm 3, khoản 1, Điều 1 Quyết định này: mức vay **tối đa** bằng 100% tổng chi phí hợp đồng lao động đi làm việc ở nước ngoài ký giữa người lao động với bên tuyển dụng nhưng không quá 50 (năm mươi) triệu đồng cho một lao động.

Riêng đối với lao động các huyện nghèo thì cho vay theo nhu cầu của người vay, tối đa bằng các khoản chi phí người vay phải đóng góp theo từng thị trường (*mức trần cho vay của từng thị trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*).

Đối với các thị trường xuất khẩu lao động có chi phí cao, sau khi vay nguồn vốn Trung ương phục vụ hoạt động xuất khẩu lao động của Ngân hàng Chính sách xã hội, người vay có thể được cho vay thêm từ Quỹ hỗ trợ việc làm tỉnh để đủ trả các chi phí đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài nhưng mức vay tối đa không quá quy định trên.

b) Sửa đổi khoản 3, Điều 7, như sau:

“3. Lãi suất cho vay:

a) Lãi suất cho vay bằng 0,55%/tháng.

b) Đối với các đối tượng là cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho lao động là người khuyết tật; người đi xuất khẩu lao động thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số sinh sống tại huyện nghèo có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú đủ 12 tháng trở lên kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền xác nhận cư trú hợp pháp: lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với các đối tượng khác.

c) Khi Nhà nước điều chỉnh lãi suất cho vay đối với đối tượng vay vốn hỗ trợ giải quyết việc làm thì mức lãi suất cho vay của Quỹ hỗ trợ việc làm tỉnh cũng được điều chỉnh tương ứng.”

5. Sửa đổi khoản 2, Điều 8. Xây dựng dự án, thẩm định, quyết định cho vay và giải ngân vốn:

“2. Thẩm định dự án, thẩm quyền phê duyệt cho vay:

+ Đối với các đối tượng quy định tại điểm 1, khoản 1, Điều 1 Quyết định này: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (đối với địa bàn thành phố Tam Kỳ) hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện có trách nhiệm thẩm định các dự án vay vốn bảo đảm các chỉ tiêu về tạo việc làm mới và bảo toàn vốn trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phê duyệt cho vay.

+ Đối với các đối tượng quy định tại điểm 2, khoản 1, Điều 1 Quyết định này: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (đơn vị đang nhận ủy thác của Ngân hàng Chính sách xã hội) tổ chức thẩm định dự án, gửi Phòng Giao dịch trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phê duyệt cho vay.

+ Đối với các đối tượng quy định tại điểm 3, khoản 1, Điều 1 Quyết định này: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (đối với địa bàn thành phố Tam Kỳ) hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ đề nghị cho vay vốn đi xuất khẩu lao động trên cơ sở đề nghị của Tổ vay vốn, hội đoàn thể nhận ủy thác và UBND cấp xã để phê duyệt cho vay.

+ Đối với các đối tượng quy định tại điểm 4, khoản 1, Điều 1 Quyết định này: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (đối với địa bàn thành phố Tam Kỳ) hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện có trách nhiệm thẩm định các dự án vay vốn bảo đảm các chỉ tiêu về đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm và bảo toàn vốn; trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phê duyệt cho vay.

Sau khi có quyết định phê duyệt dự án, Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay gửi 01 bộ hồ sơ dự án (gồm: Dự án xin vay vốn, Phiếu thẩm định, Quyết định cho vay) về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện để theo dõi, kiểm tra, tổng hợp, định kỳ hằng quý báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh”.

6. Sửa đổi điểm a, khoản 3, Điều 10. Xử lý nợ đến hạn, nợ quá hạn và xử lý rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng:

“3. Xử lý rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng:

a) Việc xử lý nợ rủi ro thực hiện theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 27/01/2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội về ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội. Khi Chính phủ thay đổi cơ chế xử lý nợ rủi ro trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội thì việc xử lý nợ rủi ro áp dụng tại quyết định này cũng thay đổi phù hợp với cơ chế hiện hành”.

7. Sửa đổi điểm b, khoản 1, Điều 11 và sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 11. Kinh phí quản lý Quỹ:

a) Sửa đổi điểm b, khoản 1, Điều 11 như sau:

“1. Việc phân phối và sử dụng số tiền lãi từ cho vay Quỹ hỗ trợ việc làm tỉnh:

b) Trích 20% để chi cho công tác lập kế hoạch cho vay và kế hoạch giải quyết việc làm; kiểm tra, giám sát, đánh giá chỉ tiêu tạo việc làm mới và các hoạt động cho vay vốn của Quỹ; tổng hợp báo cáo kết quả cho vay của cơ quan lao động cấp huyện, cấp tỉnh.

Căn cứ báo cáo của Ngân hàng Chính sách xã hội và kết quả thu lãi; kế hoạch cho vay và giải quyết việc làm; kế hoạch kiểm tra, giám sát, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định phân phối cho các đơn vị.

b) Sửa đổi điểm b, khoản 2, Điều 11 như sau:

“2. Kinh phí quản lý Quỹ hỗ trợ việc làm tỉnh được bố trí trong dự toán kế hoạch hằng năm của các cơ quan theo phân cấp ngân sách hiện hành.

b) Nội dung sử dụng kinh phí quản lý Quỹ:

Kinh phí quản lý Quỹ hỗ trợ việc làm tỉnh được sử dụng cho các nội dung sau:

- Chi hội nghị tập huấn nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết hoạt động cho vay giải quyết việc làm; kiểm tra, giám sát đánh giá chỉ tiêu tạo việc làm mới, các hoạt động cho vay vốn và tổng hợp, báo cáo kết quả cho vay.

- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ công tác quản lý Quỹ hỗ trợ việc làm tỉnh.

- Chi khảo sát, điều tra về cho vay giải quyết việc làm; hỗ trợ nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện chính sách, soạn thảo và ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện về cho vay giải quyết việc làm.

- Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý, cho vay, sử dụng nguồn vốn.

- Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác cho vay vốn giải quyết việc làm (như văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, tuyên truyền, làm thêm giờ, chi khác).

Nội dung và mức chi nguồn kinh phí Quỹ hỗ trợ việc làm tỉnh (bao gồm: nguồn kinh phí được để lại từ lãi cho vay Quỹ hỗ trợ việc làm tỉnh và kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu về việc làm cấp tỉnh hằng năm) thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Bổ sung thêm điểm c, khoản 2, Điều 11:

"2. Kinh phí quản lý Quỹ hỗ trợ việc làm tỉnh được bố trí trong dự toán kế hoạch hằng năm của các cơ quan theo phân cấp ngân sách hiện hành.

c) Quyết toán sử dụng kinh phí quản lý Quỹ hỗ trợ việc làm tỉnh: cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội quyết toán sử dụng kinh phí quản lý Quỹ hỗ trợ việc làm tỉnh (bao gồm: nguồn kinh phí được để lại từ lãi cho vay Quỹ hỗ trợ việc làm tỉnh và kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu về việc làm cấp tỉnh hằng năm) theo quy định hiện hành và gửi cơ quan Tài chính cùng cấp theo dõi, quản lý".

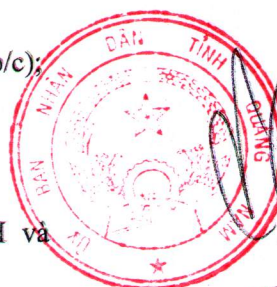
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 của UBND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ việc làm tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 47/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND tỉnh. Các nội dung tại Quyết định số 47/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND tỉnh không thuộc phạm vi điều chỉnh chỉnh của Quyết định này vẫn còn hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /19

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- VPCP (b/c);
- Website Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (b/c);
- TTTU, TTHĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBM TTQVN tỉnh;
- Cục KT văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- VPTU, VP UBND, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Quảng Nam; Đài PTTH Quảng Nam;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu VT, TH, VX, NC, KTN, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Thu